

Số: /2023/NQ-HĐND

Ninh Thuận, ngày tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Quy định khung và mức thu học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông hệ công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN
KHÓA XI KỲ HỌP THỨ 13**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo;

Thực hiện Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, Khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 612/QĐ-UBND ngày 16 tháng 9 năm 2021 của Ủy ban Dân tộc phê duyệt danh sách thôn đặc biệt khó khăn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện Quyết định số 353/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách huyện nghèo, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo giai đoạn 2021- 2025;

Xét Tờ trình số 110/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quy định khung và mức thu học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông hệ công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định khung và mức thu học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông hệ công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Đối tượng áp dụng

a) Trẻ em mầm non và học sinh phổ thông hệ công lập; học sinh, học viên học tại cơ sở giáo dục thường xuyên theo chương trình giáo dục phổ thông.

b) Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Điều 2. Khung học phí, mức thu học phí đối với giáo dục mầm non, phổ thông hệ công lập

1. Khung học phí năm học 2023-2024 theo khung học phí năm học 2022-2023 quy định tại khoản 2, Điều 9 Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ.

2. Mức thu học phí năm học 2023-2024: *đính kèm Phụ lục.*

Điều 3. Thời gian thực hiện: năm học 2023-2024.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận Khóa XI Kỳ họp thứ 13 thông qua ngày 21 tháng 7 năm 2023 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu - UBTVQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ GDĐT;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn đại biểu QH tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa XI;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Trang tin điện tử HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, Phòng Công tác HĐND.

CHỦ TỊCH



Phạm Văn Hậu

PHỤ LỤC**Mức thu học phí năm học 2023-2024 đối với cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông hệ công lập trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

(Ban hành kèm theo Nghị Quyết số /2023/NQ-HĐND ngày / /2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

1. Học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

Đơn vị tính: nghìn đồng/học sinh/tháng

Cấp học	Vùng 1 (Thành thị)	Vùng 2 (Nông thôn)	Vùng 3 (đặc biệt khó khăn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển)	Ghi chú
I. Cấp Mầm non				
1. Nhà trẻ 2 buổi	306	102	51	
2. Nhà trẻ bán trú	330	110	55	
3. Mẫu giáo 1 buổi	300	100	50	
4. Mẫu giáo 2 buổi	306	102	51	
5. Mẫu giáo bán trú	315	105	53	
6. Mầm non trọng điểm và trường đạt chuẩn Quốc gia	330	110	55	
II. Cấp Tiểu học	300	100	50	<i>Học sinh tiểu học trường công lập không phải đóng học phí</i>
III. Cấp Trung học				
1. Trung học cơ sở	300	100	50	
2. Trung học phổ thông	300	200	100	
3. GDTX (BTVH cũ)				
a) THCS	300	100	50	
b) THPT	300	200	100	
IV. Học nghề phổ thông				
1. Cấp THCS	114	50	32	
2. Cấp THPT	120	116	67	

- Mức thu học phí trong trường hợp áp dụng hình thức học trực tuyến (online): Mức thu học phí theo hình thức học trực tuyến (online) bằng 75% so với mức thu tương ứng trên đây. Mức thu học phí được làm tròn đến đơn vị nghìn đồng.

- Mức học phí đối với giáo dục tiểu học công lập quy định tại Phụ lục này dùng để làm căn cứ để tính mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tư thục ở các địa bàn chưa đủ trường tiểu học công lập và các đối tượng học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định.

2. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên: Bằng 1,5 lần mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

3. Mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư: Bằng 2,0 lần mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập chưa tự bảo đảm chi thường xuyên.

4. Cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập tự bảo đảm chi thường xuyên hoặc tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư đạt mức kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục theo tiêu chuẩn do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định thì được tự xác định mức thu học phí trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ sở giáo dục ban hành; trình Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét phê duyệt mức thu học phí./.
